TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 10-8-2021
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Công.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Ngô Thị Hoanh**

2. Ông **Nguyễn Văn Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **La Quỳnh Anh -** Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Chuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSD đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS, ngày 14/7/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Hạ Văn S, sinh năm 1938; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hạ Sỹ L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Hạ Văn C, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hạ Văn C là bà Lương Thị P theo Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 03 năm 2021*).

2. Bà Lương Thị P, sinh năm 1957 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Cầm - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, theo giấy ủy quyền số/50/GUQ-UBND, ngày 03/8/2021. Có mặt.

2. Anh Hạ Văn T, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Anh Hạ Văn T1, sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

4. Anh Hạ Văn K, sinh năm 1985 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

5. Bà Triệu Thị P, sinh năm 1941 - Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

6. Chị Hạ Thị L, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

Người làm chứng:

1. Ông Lô Xuân R, sinh năm 1946 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

2. Ông Lô Văn M, sinh năm 1942 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Ông Hạ Chí T, sinh năm 1952 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

4. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1957 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

5. Chị Hạ Thị V, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

6. Bà Nông Thị D, sinh năm 1966 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

7. Ông Hạ Văn D, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

8. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1970.- Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

9. Ông Lô Xuân N, sinh năm 1949 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

10. Ông Di A M, sinh năm 1928 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

11. Ông Lô Văn V, sinh năm 1943 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

12. Ông Di Văn H, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

13. Ông Lương Văn B, sinh năm 1956 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

14. Anh Hạ Văn K1, sinh năm 1980 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

15. Ông Đinh Ngọc P, sinh năm 1969 - Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hạ Văn S trình bày:*

Gia đình ông có một thửa đất tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn có diện tích khoảng hơn 5000m^2. Nguồn gốc khu đất ban đầu là đồi sim, do ông khai phá và đã trực tiếp canh tác trên khu đất (trồng khoai, lúa nếp nương, lúa tẻ) từ năm 1960. Đến năm 1991, thì ông chuyển sang trồng chè, hàng năm đều chăm sóc cây chè và thu hoạch chè để bán. Đến năm 2004 có có cơ quan chuyên môn xuống xã để đo đạc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không đi được nên đã cho con trai là Hạ Văn K1 đi cùng để đo đất. Tuy nhiên mãi đến năm 2019, vì chưa thấy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất nêu trên nên ông S đã lên Ủy ban nhân dân xã B để hỏi xem đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thì ông mới biết khu đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Hạ Văn C, bà Lương Thị P. Ông không nhất trí với việc hộ gia đình ông C, bà P được cấp bìa đỏ đối với khu đất nêu trên. Do vậy, ông S có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các nội dung sau:

- Yêu cầu ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P trả lại diện tích đất là 6.606,0m^2 (diện tích tranh chấp thực tế theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2021), thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 6.606,0m^2 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ), thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AK 161013 ngày 10/4/2009 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ngân Sơn cấp cho hộ ông Hạ Văn C.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị P trình bày:*

Năm 1977 bà lấy chồng ở thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, đến năm 1978 bà sinh con, khi đó gia đình bà chuyển vào khu vực L thuộc thôn P để sinh sống. Khi đó bố chồng bà là cụ Hạ Khún C có bảo bà và chồng bà là ông Hạ Văn C đi gánh cây sâu sâu lên để bố chồng bà vãi cây sâu sâu ở đất trồng chè bây giờ (là khu đất tranh chấp hiện nay). Cho đến năm 1987, thì cây

sâu sâu mọc lên cao bằng đầu người, thời gian đó bà và gia đình bà không trồng hoặc canh tác gì trên khu đất đó, chỉ đợi cây sâu sâu lớn. Cho đến năn 1989 thì bố chồng bà là cụ Hạ Khún C mất. Đến cuối năm 1990, đầu năm 1991 thì ông Hạ Văn S có lên phát cây sâu sâu đi để trồng chè, lúc đó bà đã có ý kiến là tại sao phát cây sâu sâu của bố chồng bà đi, khi đó ông S không nói gì, do lúc đó gia đình bà quá khó khăn nên cũng không ý kiến gì nữa. Sau khi ông S trồng chè xong và đào hào thì bà có đến và nói đây là khu đất do bố chồng tôi để lại, và đề nghị ông S không được canh tác ở khu vực đó nữa. Sau đó, đến khi năm 2009 thì gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất với diện tích hơn 3ha, trong đó có khu đất tranh chấp. Bà P khẳng định vợ chồng bà không làm đơn xin giao đất lâm nghiệp, không được lên chứng kiến việc đo đạc khu đất, kê khai diện tích cụ thể và cũng không được ủy quyền cho con trai bà làm đơn để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được cấp cho gia đình bà ở khu vực C nêu trên.

Nay ông S khởi kiện bà yêu cầu trả lại đất cho ông S diện tích đất nêu trên, bà không đồng ý với yêu cầu này của ông Hạ Văn S, bà cho rằng khu đất này đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà thì là của vợ chồng bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hạ Văn T và anh Hạ Văn T1 trình bày:*

Anh T và anh T1 là con trai của bà Lương Thị P và ông Hạ Văn C - bị đơn trong vụ án. Anh T xác định có được nghe mẹ (là bà Lương Thị P) kể sự việc tranh chấp đất đai là thửa đất (anh Tuân và anh Tuấn không biết số thửa) tại khu vực C thuộc thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, hồi đó anh còn nhỏ chỉ biết rằng ông nội các anh là cụ Hạ Khún C canh tác ở khu đất đó và có để lại cho bố mẹ anh là ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P, tuy nhiên cụ thể nội dung vụ việc như thế nào thì anh T và anh T1 không rõ. Cả hai anh đều xác định mình không được được bố mẹ ủy quyền hay ai bảo đi làm thủ tục đi xin cấp hay làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có phần đất đang tranh chấp giữa các bên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hạ Văn K trình bày:*

Anh K là con trai của của ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P. Anh có biết sự việc tranh chấp đất đai giữa gia đình anh và ông Hạ Văn S. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ cuối năm 2020 khi ông S đến nhà anh xin tách thửa đất trồng chè ra khỏi thửa đất của bố mẹ anh, tuy nhiên bố mẹ anh là ông Cáy và bà P không đồng ý và có nói lại với ông S là khi nào ông S mất thì sẽ lấy lại khu đất trồng chè trên.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng của thửa đất đang có tranh chấp là do ông nội anh là cụ Hạ Khún C để lại cho bố mẹ anh là ông C và bà P, anh nghe bố mẹ kể lại là sau khi ông nội anh đi chỉ ranh giới đất cho bố mẹ anh thì bố mẹ anh có đi vãi cây sâu sâu trên khu đất đó, khi đó thì gia đình khó khăn quá nên bố mẹ anh phải lo kiếm ăn nên khi ông S trồng cây vào khu đất của gia đình anh thì bố mẹ anh cũng chỉ nghĩ rằng là anh em trong gia đình nên cứ để ông S làm, sau này, khi ông S tuổi cao, qua đời thì gia đình anh sẽ lấy lại khu đất

này.

** Tại đơn trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hạ Thị L trình bày:*

Chị L xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến diện tích đất đang có tranh chấp, vì đó là tài sản riêng của ông C bà P bố mẹ chị. Chị L đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không triệu tập chị tham gia các quá trình tiến hành tố tụng.

** Tại Văn bản số 2092/UBND-TNMT ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về việc cung cấp Hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2009 gồm có:*

- Quyết định số:744/QĐ-UBND ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn về việc phê duyệt giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B *(có danh sách các trường hợp đủ điều kiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn kèm theo).*

- Đơn xin giao đất lâm nghiệp (người làm đơn và trưởng thôn ký ngày 05/12/2004 và UBND xã B ký xác nhận ngày 14/01/2009 có danh sách thửa đất kèm theo.

- Hai bản trích lục hình thể đất lâm nghiệp (thửa số 304 và thửa 319).

- Hai biên bản giao đất ngoài thực địa có bên nhận đất, trưởng thôn, UBND xã B ký ngày 25/01/2005.

- Hai đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có người làm đơn, cán bộ địa chính, Ủy ban nhân dân xã B ký ngày 04/04/2005.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/1/2021, người làm chứng ông Hạ Văn Dậu, người có thửa đất cạnh khu đất đang tranh chấp giữa các bên trình bày:*

Về nguồn gốc: Thửa đất hiện nay đang có tranh chấp trước đây là do ông Hạ Văn S trồng lúa nhưng ông không nhớ cụ thể ông S trồng từ thời gian nào, sau đó ông Sằn làm đồi chè từ khoảng những năm 1991 cho đến nay. Ông xác nhận ông C và bà P cũng có đất tại khu vực C tuy nhiên ông C và bà P chưa bao giờ canh tác tại khu đất tranh chấp. Ông cũng không được tham gia chứng kiến việc giao đất đối với ông C bà P.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, người làm chứng ông Lô Xuân R trình bày:*

Ông R là hàng xóm của ông S và ông C bà P.

Về nguồn gốc của thửa đất hiện nay đang có tranh chấp: Khu đất hiện nay đang có tranh chấp ông thấy ông S canh tác tại khu đất đó đã rất lâu rồi, từ khi còn bé ông đi đi hái sim đã thấy ông S canh tác trên khu đất đang tranh chấp đó. Năm 1987 ông đi bộ đội về thì cũng thấy ông S canh tác tại khu đất đó nhưng trồng cây gì thì ông không để ý. Đến năm 1994 ông được đi cùng Kiểm lâm để giao đất vì

lúc đó ông làm trưởng thôn nên đi cùng cơ quan chức năng để chứng kiến việc giao đất nhưng chỉ là chỉ đất của người nào người đó sử dụng chứ không có giấy tờ gì, lúc đó ông C không đi cùng. Ông thấy ông S canh tác liên tục trên khu đất đang tranh chấp đó.

Ông xác định bà P ông C chưa bao giờ canh tác tại khu đất đang tranh chấp đó.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021 và tại phiên tòa, người làm chứng ông Lô Văn M trình bày:*

Ông M là hàng xóm của ông S và ông C bà P.

Về nguồn gốc của thửa đất hiện nay đang có tranh chấp: Ông M cho biết thửa đất trước đây vào năm 1960 ông S thường xuyên sử dụng, lúc đầu ông S thường xuyên trồng lúa nếp ở trên khu đất đó ông còn được đi gặt đổi công với ông S sau đó ông S có trồng khoai sọ, khoai lang và sử dụng liên tục. Sau đó đến năm 1991 thì ông S có trồng chè cho đến hiện tại. Ông xác nhận bà P ông C chưa bao giờ canh tác tại khu đất đang tranh chấp đó.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, người làm chứng ông Hạ Chí T trình bày:*

Ông xác định không biết nhiều về nội dung vụ án, và chỉ trình bày những nội dung ông biết về vụ án, cụ thể:

Về nguồn gốc đất, vào khoảng những năm 1960 ông thấy ông Sằn phát rẫy để trồng cây, sau đó có trồng khoai sọ, khoai lang và sử dụng liên tục. Sau đó đến năm 1991 thì ông S có trồng chè đến hiện tại. Ông xác định trên đất tranh chấp chỉ có cây chè do ông S trồng, bà P ông C chưa bao giờ canh tác tại khu đất đang tranh chấp đó.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, người làm chứng ông Hoàng Văn Đ trình bày:*

Ông Đ là hàng xóm của ông S và ông C bà P.

Về nguồn gốc đất tranh chấp ông S canh tác từ rất lâu, ông không nhớ rõ thời gian cụ thể, nhưng cũng khoảng tầm những năm 1960, ông đi hái sim ở khu vực đó đã thấy ông S trồng khoai, sắn sau đó có trồng khoai sọ, lúa nếp. Ông S có sử dụng liên tục mảnh đất tranh chấp trên. Khoảng đến năm 1991 thì ông S có trồng chè đến hiện tại. Ông cũng xác định bà P và ông không canh tác ở khu đất đang tranh chấp với ông Hạ Văn S.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2021, người làm chứng chị Hạ Thị V trình bày:*

Chị V xác định không biết nhiều về nội dung vụ án, và chỉ trình bày những nội dung chị V biết về vụ án, cụ thể:

Về nguồn gốc đất, chị khẳng định từ khi chị sinh ra và lớn lên chị đã thấy ông Hạ Văn S thường xuyên trồng lúa, khoai, sắn sau đó thì năm 1991 ông S có trồng cây chè, bố chị (đã mất) còn được lấy hạt chè giống ở khu đồi chè về để trồng lại ở xung quanh vườn của nhà chị. Chị thấy ông S thường xuyên canh tác liên tục

trên đất đó không bỏ hoang năm nào. Chị khẳng định bà P và ông C không canh tác ở khu đất đang tranh chấp với ông Hạ Văn S.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2021, người làm chứng bà Nông Thị D trình bày:*

Bà D xác định không biết nhiều về nội dung vụ án, và chỉ trình bày những nội dung bà D biết về vụ án, cụ thể:

Về nguồn gốc đất, bà cho biết từ khi bà sinh ra và lớn lên ở thôn P nên bà biết rõ là ông Hạ Văn S canh tác từ rất lâu rồi, từ khi bà còn bé nên bà không nhớ rõ thời gian cụ thể. Lúc đầu ông S trồng lúa nương, sau đó đất không tốt lắm thì chuyển sang trồng khoai, sắn. Đến năm 1991 thì ông S có trồng cây chè. Bà xác nhận ông C và bà P không canh tác ở khu vực đất tranh chấp.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2021, người làm chứng ông Hoàng Văn C trình bày:*

Ông C là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông C bà P.

Ông cho biết ông không biết nhiều về nguồn gốc khu đất đang tranh chấp, ông chỉ biết rằng từ khoảng những năm 1991 thì ông S có trồng cây chè cho đến hiện tại. Ông cho biết bà P và ông C có đất ở khu vực đó nhưng không canh tác ở khu vực có đất tranh chấp.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2021, người làm chứng ông Lô Xuân N trình bày:*

Ông N là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông Cáy bà P.

Về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp: Ông cho biết thửa đất tranh chấp có vị trí thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, ông thấy ông S canh tác trên khu đất đó từ rất lâu rồi nhưng từ khoảng năm bao nhiêu thì ông không nhớ, khi đó thì ông S có trồng lúa nương. Ông đi bộ đội từ năm 1970 cho đến năm 1978 thì về, khi về ông thấy ông S vẫn trồng lúa nương tại khu đất đang tranh chấp đó và canh tác thường xuyên, liên tục trên khu vực đất đó cho đến nay. Ông khẳng định bà P và ông C có đất ở khu vực đó nhưng không canh tác ở khu vực có đất tranh chấp.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/04/2021, người làm chứng ông Di A M trình bày:*

Ông Di A M là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông C bà P.

Ông cho biết ông không biết sự việc tranh chấp đất đai cho đến khi Tòa án đến làm việc. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp ông khẳng định ngày trước đất tranh chấp đó là đất hoang, không có cây cối, ai muốn trồng gì thì trồng. Sau đó thì ông S trồng chè vào khu đất đang tranh chấp đó nhưng từ thời gian nào thì ông không nhớ rõ và trồng chè đến hiện tại. Tại khu đất đó thì ngoài ông S ra ông không thấy ai trồng gì và cũng không thấy ông C bà P canh tác trên khu đất trên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/04/2021 và tại phiên tòa, người làm chứng ông Lô Văn V trình bày:*

Ông Lô Văn V là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông Hạ Văn C bà Lương

Thị P.

Thời kỳ đó thì tại khu đất đang tranh chấp bố ông Hạ Văn C là cụ Hạ Khún C có nói là đất của cụ Hạ Khún C, tuy nhiên cụ C không trồng gì tại khu đất trên. Khoảng những năm 1975 đến năm 1980 thì ông S trồng chè trên khu đất đang tranh chấp đó và canh tác thường xuyên liên tục đến hiện tại. Khi đó ông có thấy cụ Hạ Khún C bảo là đất đấy là của cụ, vì thời gian đấy thì chưa chia đất rõ ràng của ai nên khi ông S trồng chè thì cụ C không có ý kiến gì. Bản thân ông thấy ông C và bà P

không trồng gì trên khu đất đang tranh chấp đó, đến hiện tại thì ông C và bà P cũng không trồng gì trên khu đất trên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/04/2021, người làm chứng ông Di Văn H trình bày:*

Ông Di Văn H là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông C bà P.

Ông cho biết ông không biết sự việc tranh chấp đất đai cho đến khi Tòa án đến làm việc. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp ông cho biết từ khi ông còn nhỏ ông chỉ biết là cụ Hạ Khún C nói rằng khu đất (mà đất hiện nay có một phần là đang tranh chấp) đằng sau nhà cụ C là đất của cụ C (là bố của ông C), khi đó khoảng năm 1979 chỉ là đồi sim, sau đó thì khoảng những năm 1985-1986 khi ông đi bộ đội về thấy ông S bắt đầu trồng cây chè vào khu đất đang tranh chấp đó và canh tác liên tục cho đến hiện tại vẫn trồng cây chè. Ông C và bà P không trồng gì tại khu đất đang tranh chấp trên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/04/2021, người làm chứng ông Lương Văn B trình bày:*

Ông cho biết ông không biết sự việc tranh chấp đất đai cho đến khi Tòa án đến làm việc. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp ông cho biết từ khi còn bé ông nhìn thấy tại khu đất mà hiện nay đang tranh chấp có nhiều cây sâu sâu tự mọc mà thời điểm đó là cụ Hạ Khún C quản lý. Sau đó ông chỉ biết là ông S trồng cây chè tại khu đất đang tranh chấp đó nhưng ông B không biết là ông S trồng từ thời gian nào và khi đó ông B thấy trên đất chỉ có cây chè, ngoài ra không có cây gì khác. Bà P và ông C có trồng gì vào khu đất đang tranh chấp hay không thì ông B cũng không biết.

** Tại Văn bản số 1085/UBND-TNMT ngày 01/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn trả lời đối với đề nghị cung cấp thông tin của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn như sau*:

"Đối với trình tự giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B cho ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P - Thôn P, xã B Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, được cấp theo chương trình dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn thực hiện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện, về trình tự thủ tục cơ bản theo đúng quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc khai thác, sử dụng các tài liệu cũ gặp khó khăn do Bản đồ được đo vẽ thủ công (không có tọa độ) cũng như việc nhận dạng thửa đất của các hộ dân còn hạn chế; Số lượng hồ sơ thực hiện lớn. Do vậy việc kiểm soát hồ

sơ của các đơn vị chuyên môn chưa được chặt chẽ còn để xảy ra một số trường hợp thửa đất không đúng vị trí, ranh giới bị chồng, lẫn chưa chính xác theo thực tế quản lý sử dụng, thành phần hồ sơ chưa được ký xác nhận đầy đủ… Như vậy, đối với Hồ sơ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bằng Vân cho ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P - Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là chưa phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2003".

** Tại đơn đề nghị của bà Triệu Thị P (vợ ông S):*

Bà P có ý kiến là yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại khu vực C cho bản thân ông S, bà hoàn toàn không có ý kiến gì.

** Tại biên bản xác minh ngày 28/6/2021 với bà Tá Sơn Minh – Công chức địa chính xã B:*

Bà Minh cho biết tại Biểu tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1997-1999 có thể hiện ông Hạ Văn C được giao đất lâm nghiệp năm 1994 tại lô 79, khoảnh 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 3, diện tích là 1,0 ha, đất rừng tự nhiên và tại Biểu tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1997-1999 có thể hiện ông Hạ Văn S được giao đất lâm nghiệp năm 1994 tại lô 77, khoảnh 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 2, diện tích 1,2ha, đất trống. Tuy nhiên, hiện nay bản đồ giao đất năm 1994 -1995-1997-1999 Ủy ban nhân dân xã B không lưu.

Về quy trình cấp đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, Ủy ban nhân dân xã B không nắm được vì thời gian đó không thuộc thẩm quyền của cấp xã.

** Tại biên bản xác minh ngày 29/6/2021 với bà Nông Thị Bích – Viên chức Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngân Sơn:*

Bà Bích cho biết Văn phòng đăng ký đất đai không tìm được hồ sơ liên quan đến việc cấp đất lâm nghiệp năm 1994 đối với ông Hạ Văn C tại lô 79, khoảnh 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 3, diện tích là 1,0 ha, đất rừng tự nhiên và không tìm được hồ sơ cấp đất lâm nghiệp đối với ông Hạ Văn S được giao đất lâm nghiệp năm 1994 tại lô 77, khoảnh 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 2, diện tích 1,0ha, đất trống như trong Biểu tổng hợp giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1997-1999.

** Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2021 với ông Hoàng Văn Trường – Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn:*

Ông Trường cho biết: Hiện nay tại Hạt kiểm lâm Huyện Ngân Sơn chỉ lưu giữ Biên bản giao nhận đất rừng ngày 16/01/1994 đối với hộ ông Hạ Văn C tại thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định số 79 ngày 16 tháng 01 năm 1994 cấp cho ông C tại khoảnh 79, đất để trồng rừng với diện tích 1,0 ha tại khu vực đồi C.

Tại Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn hiện nay không lưu bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994-1995-1997-1999. Tuy nhiên, qua xem xét phần diện tích tiếp giáp trong biên bản giao nhận rừng tại khoảnh 79 gồm: Phía bắc giáp suối, phía nam giáp ông D, phía đông giáp nương, phía tây giáp ông D thì phần đất lâm nghiệp ông C được cấp trùng với vị trí tiếp giáp của thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hạ

Văn C và bà Lương Thị P.

Tất cả các tài liệu về giao đất giao rừng Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn đã bàn giao lại cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn từ những năm trước đây nên Hồ sơ giao đất giao rừng tại Hạt kiểm lâm huyện Ngân Sơn không còn đầy đủ.

Về quy trình và thủ tục cấp đất lâm nghiệp đối với thửa đất tranh chấp như sau: Thời điểm đó Lâm trường được giao dự án để thực hiện giao đất giao rừng, trong quá trình thực hiện thì Lâm Trường hợp đồng với Kiểm Lâm để trực tiếp thực hiện việc giao đất. Về hồ sơ giao đất chỉ có quyết định giao đất và biên bản giao đất.

** Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2021 với ông Bàn Trọng Tuấn – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn:*

Ông Tuấn cho biết: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn được thành lập vào năm 2005. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là đơn vị trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, các hồ sơ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 2009 được lưu giữ tại kho lưu trữ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngân Sơn trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hiện nay tại Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn không lưu giữ hồ sơ giao đất lâm nghiệp đối với hồ sơ giao đất lâm nghiệp nêu trên.

Về trình tự, thủ tục giao đất lâm nghiệp năm 1994, tại thời điểm đó không thuộc thẩm quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn, vì Quyết định định giao đất lâm nghiệp căn cứ đề nghị của Hạt kiểm lâm Ngân Sơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hạ Văn S có ý kiến: Giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông bà Lương Thị P có ý kiến: Không nhất trí với toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hạ Văn K, Hạ Văn T, Hạ Văn T1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, người làm chứng ông Đinh Ngọc P trình bày:*

Ông Đinh Ngọc P là hàng xóm của ông Hạ Văn S và ông C bà P.

Ông không biết về nguồn gốc đất đang tranh chấp, tuy nhiên ông thấy ông S trồng chè vào khu đất đang tranh chấp đó nhưng từ thời gian nào thì ông không nhớ rõ và trồng chè đến hiện tại. Tại khu đất đó thì ngoài ông S ra ông không thấy ai trồng gì và cũng không thấy ông C bà P canh tác trên khu đất trên.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của họ không liên quan

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai; Điều 26, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hạ Văn S về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích 6.606m^2 thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 3 năm 2006, địa chỉ thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp cho ông S; Hủy một phần Quyết định số 774/QĐ-UBND, ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn về việc phê duyệt giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B và hủy GCNQSD đất số AK 161013, ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 năm 2006 đã cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P.

Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ bảo vệ với nội dung sau:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hạ Văn S, hủy GCNQSD đất số AK 161013, ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 năm 2006 đã cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P. Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.606m^2 thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 3 năm 2006, địa chỉ thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cho ông Hạ Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết vụ án trên là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:* Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị P, chị Hạ Thị L và những người làm chứng vắng mặt tuy nhiên họ đã cung cấp đầy đủ lời khai và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

- *Về thành phần những người tham gia tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 161013 cấp ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 19/6/2021 của Tòa án với Công an xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về việc cung cấp thông tin về nhân khẩu, hộ khẩu, xác định:

Tại thời điểm năm 1994 và năm 2009, hộ gia đình ông Hạ Văn C gồm có 06 nhân khẩu, gồm: Ông Hạ Văn C (sinh năm 1962 - chủ hộ), bà Lương Thị Phượng (sinh năm 1960 - vợ), (anh Hạ Văn T, sinh năm 1981 - con), anh Hạ Văn T1 (sinh năm 1983 - con), anh Hạ Văn K (sinh năm 1985 - con), chị Hạ

Thị L (sinh năm 1991 - con).

Vì nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hạ Văn C, vì vậy Tòa án đã đưa những người có tên trên đây tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, anh T1, anh K và chị L đều xác định không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến diện tích đất đang có tranh chấp, đó là tài sản riêng của ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P.

[2] Về nội dung:

2.1. Về nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp: Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 14/01/2021. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xác định: Diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hạ Văn S và bị đơn ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P là 6.606,0m^2, diện tích đất này nằm trong thửa đất số 319, tờ bản đồ 3, địa chỉ thửa đất thuộc thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Về tứ cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp với đất của ông Hạ Văn C, ông Hạ Văn D;

Phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp đất của ông Hạ Văn C.

Phần diện tích ông tranh chấp đã xác định được tạo bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 8, 10, 11, 12, 1 (theo sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ). Trong đó: diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cáy là 31.606m^2. Phần diện tích tranh chấp là một phần đất nằm trong giấy chứng nhận của ông Hạ Văn C có diện tích là 6.606,0m^2.

Theo nguyên đơn ông Hạ Văn S xác định thì diện tích đất tranh chấp là do ông khai phá từ năm 1960 và sử dụng thường xuyên cho đến khi xảy ra tranh chấp là tháng 7/2020. Diện tích đất này sau khi khai phá được ông trồng khoai lang, sang năm 1961 thì chuyển sang trồng lúa nếp nương, trồng lúa tẻ liên tục, cho đến năm 1991 thì ông chuyển sang trồng chè.

Phía bị đơn bà Lương Thị P và ông Hạ Văn C thì cho rằng cụ Hạ Khún C (bố đẻ của ông Hạ Văn C) là người khai phá thửa đất tranh chấp trước năm 1977 từ đất hoang, khi đó ông C bà P vẫn sống chung với bố mẹ, sau khi cụ Hạ Khún C đi chỉ ranh giới đất cho ông C, bà P, bà P có đi vãi cây sâu sâu xuống. Thời điểm đó chỉ có cây sâu sâu, cây lau, cây sim, cây mác náp ngoài ra không có cây trồng nào khác. Đến năm 1991 khi ông Hạ Văn S đến phát một khoảnh để trồng chè bà P có lên nhắc nhở ông S không được phát vào khu đất đó nhưng ông S vẫn cố tình đi phát. Tuy nhiên, phía bị đơn bà P không cung cấp được tài liệu và người làm chứng chứng minh về việc bà phản đối ông S canh tác trên khu đất tranh chấp đó. Năm 2004, ông C đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận và đến ngày 10/4/2009 hộ bà P ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, nhưng phía gia đình bà vẫn để cho ông S mượn để canh tác (bị đơn không cung cấp được tài liệu và chứng cứ chứng minh việc cho ông S mượn lại đất để canh tác). Bị đơn bà Lương Thị P và ông Hạ Văn C cũng xác định gia đình bị đơn chưa bao giờ canh tác trên phần đất tranh chấp trồng chè nằm trong thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 (phù hợp với lời khai của người làm

chứng ông Lô Xuân R, và ông Lô Văn M, ông Hạ Chí T, ông Hoàng Văn Đ, chị Hạ Thị V, bà Nông Thị D, ông Hạ Văn D, ông Hoàng Văn C, ông Lô Xuân N, ông Di A M, ông Lô Văn V, ông Di Văn H, anh Hạ Văn K, những người làm chứng đều khẳng định xác định gia đình ông C, bà Ph chưa sử dụng đất bao giờ mà chỉ thấy ông Hạ Văn S quản lý, sử dụng thửa đất liên tục từ trước thời điểm năm 1960 đến nay, hàng năm canh tác trồng lúa nương, lúa tẻ liên tục đến năm 1991 thì chuyển sang trồng chè đến nay mặc dù bị đơn biết nhưng không có ý kiến gì.

Từ các căn cứ nêu nêu trên có thể khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là do gia đình ông S khai phá vì thời điểm này ông Sằn canh tác và sử dụng không có tranh chấp đồng thời những người làm chứng trong vụ án cũng cho rằng không có ai canh tác ở khu đất tranh chấp ngoài ông S. Đối với ông C và bà P cho rằng khu đất tranh chấp là của ông C bà P nhưng không có căn cứ nào chứng minh khu đất đó ông C bà P canh tác, sử dụng ổn định. Căn cứ Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì hộ ông S có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu công nhận quyền sử dụng một phần của thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 cho ông Hạ Văn S là có căn cứ để chấp nhận.

Về tài sản trên đất: Trên đất tranh chấp có toàn bộ cây chè do ông S trồng.

2.2. Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P:

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đã cung cấp cho Tòa án hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2009 cho hộ gia đình ông Hạ Văn C, bà Lương Thị P với diện tích 31.606m^2.

Xét tính hợp pháp của Hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2009 cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P:

Tại Văn bản số 2092/UBND-TNMT ngày 11/11/2020 của UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về việc cung cấp Hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2009 gồm có:

- Quyết định số:744/QĐ-UBND, ngày 10/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn về việc phê duyệt giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B *(có danh sách các trường hợp đủ điều kiện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn kèm theo).*

- Đơn xin giao đất lâm nghiệp (Người làm đơn và trưởng thôn ký ngày 05/12/2004 và UBND xã B ký xác nhận ngày 14/01/2009 có danh sách thửa đất kèm theo.

- Hai bản trích lục hình thể đất lâm nghiệp (thửa số 304 vầ thửa 319).

- Hai biên bản giao đất ngoài thực địa có bên nhận đất, trưởng thôn, UBND xã B ký ngày 25/01/2005.

- Hai đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có người làm đơn, cán bộ địa chính, Ủy ban nhân dân xã B ký ngày 04/04/2005.

Như vậy, căn cứ trên nguồn gốc đất như đã xác định ở trên thì ông C có diện tích đất là 31.606,0m^2, do đó ông Hạ Văn C khai rằng năm 2004, ông C làm đơn xin được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất 31.606,0m^2 là không phù hợp với thực tế (thực tế theo hồ sơ cấp đất là đơn xin cấp viết năm 2005).

Việc năm 2004, ông D có đất giáp ranh nhưng không được ký xác nhận của hộ giáp ranh và theo kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn không thể hiện có diện tích đất phần tranh chấp do ông C bà P quản lý; mà thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2012 thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 1, diện tích 5.916,0m^2, tờ bản đồ số 100. Theo sổ đăng ký đất đai (sổ mục kê quyển số 002); Thứ tự tờ bản đồ 100, thứ tự thửa 1, tên người sử dụng, quản lý hộ ông Hạ Văn K, diện tích 5.916,0m^2, mục đích sử dụng CLN.

Đối chiếu giữa bản đồ địa chính năm 2012 xã B với bản đồ đất Lâm nghiệp năm 2006 xã B thì thửa đất số 1, tờ bản đồ số 100 bản đồ địa chính năm 2012 nằm trùng lên thửa đất số 319, diện tích 31.606m^2, tờ bản đồ số 3 bản đồ đất Lâm nghiệp năm 2006.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và anh Hạ Văn K cung cấp, vào năm 2012 có dự án đo đạc địa chính, khi nhận đất thì anh Hạ Văn K (con ông S) đứng ra nhận diện tích đất mà hiện nay đang tranh chấp với ông C bà P với diện tích là 5.916,0m^2 nên trên bản đồ địa chính xã năm 2012 khu đất đang tranh chấp mang tên anh Hạ Văn K. Anh K xác nhận chưa bao giờ canh tác tại khu đất trên, anh chỉ đứng ra nhận đất thay bố mình là Hạ Văn S.

Ủy ban nhân dân xã B xác nhận bản đồ năm 2009 đo đạc năm 2006 là bản đồ ảnh hàng không được chụp không phải đo đạc trực tiếp, vì vậy có thể xảy ra sự sai lệch trong khi xác định vị trí thửa đất ngoài thực địa.

Tại Văn bản số 1085/UBND-TNMT ngày 01/6/2021 UBND huyện Ngân Sơn trả lời đối với đề nghị cung cấp thông tin của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn như sau: "Đối với trình tự giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B cho ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P – Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, được cấp theo chương trình dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn thực hiện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện, về trình tự thủ tục cơ bản theo đúng quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện việc khai thác, sử dụng các tài liệu cũ gặp khó khăn do Bản đồ được đo vẽ thủ công (không có tọa độ) cũng như việc nhận dạng thửa đất của các hộ dân còn hạn chế; Số lượng hồ sơ thực hiện lớn. Do vậy việc kiểm soát hồ sơ của các đơn vị chuyên môn chưa được chặt chẽ còn để xảy ra một số trường hợp thửa đất không đúng vị trí, ranh giới bị chồng, lấn chưa chính xác theo thực tế quản lý sử dụng, thành phần hồ sơ chưa được ký xác nhận đầy đủ… Như vậy đối với Hồ sơ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bằng Vân cho ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P – Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là chưa phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2003".

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất năm

2009 cho hộ ông Hạ Văn C là không đúng theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh, xác định được năm 1994, UBND huyện Ngân Sơn có Quyết định số 79/QĐ-UBND, ngày 16/01/1994 về việc gia đất lâm nghiệp cho ông Hạ Văn C tại lô 79, khoản 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 3, diện tích 1h đất, rừng tự nhiên. Ông Hạ Văn S được giao đất lâm nghiệp tại lô 77, khoảnh 6, tiểu khu 118, hiệu chỉnh là lô 2, diện tích 1,2ha, đất trống. Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã B, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Ngân Sơn, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn, Trung tâm quan trắc và Dữ liệu tỉnh Cao Bằng nhưng không thu thập được hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm cho các hộ năm 1994 do tài liệu đã bị thất lạc, bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1994 -1995-1997-1999 trên địa bàn xã bằng Vân là bản đồ vẽ bằng phương pháp thủ công, không có tạo độ nên không đủ cơ sở để đối chiếu với bản đồ địa chính năm 2006. Những người trực tiếp đi đo đất, giao đất là bà Lương Thị Điệp – Cán bộ Ban quản lý ruộng đất huyện Ngân Sơn, ông Lô Xuân SLáy – Đại diện UBND xã B thời điểm đấy xác định tại buổi giao đất ngày 16/01/1994 không có mặt các hộ gia đình nhận giao đất, phương pháp đo là ước lượng bằng mắt, không đo cụ thể diện tích và không có chủ sử dụng đất chỉ xác định ranh giới. Mặt khác, đất lâm nghiệp ông Sằn, ông Cáy được cấp năm 1994 không phù hợp với diện tích đất hiện nay đang tranh chấp. Do đó, không có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất được giao năm 1994 cho hộ gia đình ông Sằn hay hộ ông Cáy.

Đối với GCNQSD đất số sêri AK161013, ngày 10/4/2009 cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P: Căn cứ vào các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hạ Văn C nhận thấy trình tự, thủ tục giao đất của UBND huyện Ngân Sơn đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3 năm 2006 theo Quyết định số 774/QĐ-UBND, ngày 10/4/2009 cho hộ ông C, bà P chưa thực hiện đúng quy định, cụ thể: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải so ông C, bà P ký (vấn đề này được ông C, bà P thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa) là không đúng với quy định tại khoản 5 Điều 2, Điều 39 Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, không có thẩm định của cơ quan chuyên môn; biên bản giao đất ngoài thực địa không có chữ ký của các hộ giáp ranh, liền kề.

Từ những phân tích trên đây, xét thấy thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Hạ Văn C bà Lương Thị P trả lại diện tích đất là 6.606,0m^2 thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 6.606,0m^2 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ), thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 161013 ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, diện tích 31.606m^2 đã cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hộ ông Hạ Văn S là người trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, với diện tích 6606.0m^2 từ năm 1960 đến nay. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P không căn cứ vào thực tế người quản lý sử dụng đất, ông C, bà P chưa bao giờ sử dụng khu đất đang tranh chấp. Căn cứ Điều 50 Luật đất đai năm 2003 thì việc cấp GCNQSD đất của UBND huyện Ngân Sơn là không đúng chủ thể, không đúng người đang trực tiếp quản lý, sử dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 774/QĐ-UBND, ngày 10/4/2009 của UBND huyện Ngân Sơn về việc phê duyệt giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B đối với phần đất đã cấp cho hộ gia đình bị đơn ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P và hủy GCNQSD đất số sêri AK 161013 ngày 10/4/2009 đã được UBND huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cấp cho ông Hạ Văn C, bà Lương Thị P là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông C, bà P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho ông Sằn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 22 8 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hạ Văn S về các vấn đề sau:

1.1. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hạ Văn S. Ông Hạ Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.606,0m^2 thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, được giới hạn bởi các điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-1. Thửa đất có tứ cận tiếp

giáp như sau: Về tứ cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp với đất của ông Hạ Văn C, ông Hạ Văn D;

Phía Bắc, phía Tây và phía Nam giáp đất của ông Hạ Văn C.

1.2. Hủy một phần Quyết định số:744/QĐ-UBND ngày 10/4/20009 của Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn về việc phê duyệt giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã B đối với phần đất đã cấp cho hộ gia đình bị đơn ông Hạ văn Cáy và bà Lương Thị P và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AK 161013 ngày 10/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đối với thửa đất số 319, tờ bản đồ số 3, diện tích 31.606m^2 đã cấp cho hộ ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P.

Nguyên đơn ông Hạ Văn S có quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Buộc ông Hạ Văn C và bà Lương Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hạ Văn Sằn tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do ông Hạ Văn S đã nộp cho Tòa án 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lương Thị P và ông Hạ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn ông Hạ Văn S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08197, ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiên theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- T.H.A DS tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng KTNV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã B;
- Lưu HS;
- Lưu HCTP.

Nguyễn Thái Công

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **07**/2021/QĐ-SCBSBA	

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ vào Điều 486 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do lỗi rõ ràng về chính tả trong Bản án số: 13/2021/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, giữa:

***Nguyên đơn*:** Ông Hạ Văn S, sinh năm 1938; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hạ Sỹ L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn:

1. Ông Hạ Văn C, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. (*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hạ Văn C là bà Lương Thị P theo Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 03 năm 2021*).

2. Bà Lương Thị P, sinh năm 1957 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Cầm - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, theo giấy ủy quyền số/50/GUQ-UBND, ngày 03/8/2021.

2. Anh Hạ Văn T, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

3. Anh Hạ Văn T1, sinh năm 1983 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

4. Anh Hạ Văn K, sinh năm 1985 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Bà Triệu Thị P, sinh năm 1941 - Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh

Bắc Kạn.

6. Chị Hạ Thị L, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 13/2021/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn như sau:

Tại dòng thứ 10 đến 14 từ trên xuống, trang 18 của bản án đã ghi: *"**4.** Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./."*

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: *"**4.** Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- TA cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS Ngân Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thái Công